

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 183/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 583/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1975.

- Bị đơn: Anh Phạm Đăng T, sinh năm: 1975.

Cùng nơi cư trú: Tổ 26A, khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị V có mặt, Anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2020, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1999, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ka Đô, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống hạnh phúc tại xã Ka Đô, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2015 gia đình chuyển về thị trấn Long Thành sinh sống. Trong quá trình chung sống, đến năm 2018 chị và Anh T thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã nhưng

nguyên nhân chính là Anh T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vì hạnh phúc gia đình và vì các con nên chị cố gắng chịu đựng và nhiều lần khuyên ngăn nhưng Anh T lại có lời lẽ xúc phạm và đánh chị nhiều lần, cụ thể vào tháng 8/2019 anh có đánh chị phải nhập viện tại Bệnh viện đa khoa Long Thành, chị có báo địa phương, Hội phụ nữ thị trấn Long Thành can thiệp và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, Anh T vẫn không sửa đổi. Vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng sống ly thân gần một năm nay. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống với Anh T, chị đề nghị Tòa xét xử cho chị ly hôn với Anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Thùy T, sinh ngày 18/02/2000; Phạm Ngọc B, sinh ngày 07/9/2002. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn Anh Phạm Đăng T vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo khách quan, toàn diện và dân chủ trong tranh tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Chị V và Anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai Chị V và chứng cứ tại hồ sơ cho thấy: Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh T có tình cảm với người khác đã bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành, thời gian ly thân kéo dài. Vì vậy, Chị V yêu cầu được ly hôn Anh T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị V.

Về con chung: Có 02 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố Tụng:

- *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn Anh Phạm Đăng T có nơi cư trú tại Tổ 26A, khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai

nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Anh Phạm Đăng T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh T.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xét hôn nhân giữa Chị V, Anh T xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ka Đô, huyện Đơn Dương, TP Lâm Đồng đúng quy định pháp luật, theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 14/4/1999 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho Anh T nhưng Anh T không chấp hành tổng đạt của Tòa án nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được. Cho thấy Anh T không có trách nhiệm đối với mối quan hệ hôn nhân với Chị V, không thực hiện quyền và chấp hành nghĩa vụ theo luật định.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị V và Anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, sống không hạnh phúc nguyên nhân do Anh T có quan hệ tình cảm với người khác và thường xuyên bạo lực gia đình nên mục đích hôn nhân không đạt theo như lời khai của Chị V là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, việc Chị V yêu cầu được ly hôn Anh T là có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Thùy T, sinh ngày 18/02/2000; Phạm Ngọc B, sinh ngày 07/9/2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Theo luật định Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị V đối với bị đơn Anh Phạm Đăng T về việc “Tranh chấp ly hôn”. Xử cho Chị Nguyễn Thị V được ly hôn Anh Phạm Đăng T.

2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Thùy T, sinh ngày 18/02/2000; Phạm Ngọc B, sinh ngày 07/9/2002, đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004522 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, Chị V đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Đăng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Long Thành (1),
- Chi cục THADS H. Long Thành (1),
- UBND phường Ka Đô, huyện Đơn Dương, TP Lâm Đồng (1);
- Dương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà

